

Số: 56/2023/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
địa phương ban hành kèm theo Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa
học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ
quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện
nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30 tháng 12
năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoán chi thực
hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài
chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt
động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính
trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội,
tổ chức xã hội- nghề nghiệp; Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng
11 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
58/2016/TT-BTC quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy
trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ
chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ
chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;*

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là nhiệm vụ KHCN) có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương ban hành kèm theo Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là UBND tỉnh)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương căn cứ vào nhu cầu thực tiễn hoặc nhu cầu cần giải quyết các vấn đề cấp thiết còn tồn đọng trong ngành, lĩnh vực mình quản lý, có trách nhiệm gửi định hướng đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp và thông báo rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân để xây dựng đề xuất, đặt hàng, đăng ký thực hiện nhiệm vụ KHCN phù hợp nhu cầu của các sở, ban, ngành, địa phương.

Đồng thời, hàng năm, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương phải nghiên cứu đăng ký, đề xuất, đặt hàng ít nhất 01 nhiệm vụ KHCN (việc đăng ký không đồng nghĩa với việc được xét chọn thực hiện).”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Quản lý nhiệm vụ KHCN

1. UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KHCN.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đối với các nhiệm vụ KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thực hiện một số nội dung sau:

a) Ký quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn: tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KHCN; giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KHCN và đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN;

b) Ký quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định);

c) Ký quyết định phê duyệt nội dung và dự toán nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh;

d) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm tài sản để thực hiện nhiệm vụ KHCN có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên đến dưới 500 triệu đồng/01 gói thầu mua sắm tài sản áp dụng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

4. Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ và Thủ trưởng đơn vị chủ trì:

a) Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm tài sản để thực hiện nhiệm vụ KHCN có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 gói thầu mua sắm tài sản áp dụng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

b) Thủ trưởng đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN quyết định mua sắm theo quy định của pháp luật đối với gói thầu mua sắm tài sản có giá trị nhỏ hơn 100 triệu đồng/01 gói thầu mua sắm tài sản.

5. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu, giúp UBND tỉnh: Xây dựng kế hoạch và dự toán cho nhiệm vụ KHCN; xác định danh mục các nhiệm vụ KHCN sẽ được cấp kinh phí thực hiện trong kế hoạch năm; tổ chức các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN; tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN; tham mưu việc điều chỉnh quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN (nếu có); tổ chức Hội đồng tư vấn nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ KHCN; thực hiện đăng ký, lưu giữ, phổ biến và chuyển giao kết quả của các nhiệm vụ KHCN đã được nghiệm thu; tổ chức thẩm tra số liệu quyết toán các nhiệm vụ KHCN.

6. Các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầy đủ các điều cam kết trong hợp đồng đã được ký với cơ quan quản lý nhiệm vụ KHCN; hỗ trợ chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN trong việc điều phối kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện các nội dung và nghiệp vụ quản lý kinh phí theo quy định hiện hành; đảm bảo điều kiện về cơ sở hạ tầng, nhân lực, kinh phí để chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN thực hiện và quản lý nhiệm vụ KHCN đúng hợp đồng và thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định; chịu trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến triển khai áp dụng rộng rãi kết quả của các nhiệm vụ KHCN đã được

nghiệm thu (nếu được cơ quan có thẩm quyền thống nhất cho phép triển khai áp dụng rộng rãi).

7. Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận tất cả các đề xuất nhiệm vụ KHCN và cập nhật, xác nhận việc tiếp nhận vào hệ thống Quản lý nhiệm vụ KHCN, công khai trên môi trường mạng tại địa chỉ <http://detaikhoahoc.thuathienhue.gov.vn>, gồm:

- a) Danh mục nhiệm vụ KHCN do các tổ chức, cá nhân đề xuất;
- b) Danh mục nhiệm vụ KHCN được lựa chọn theo từng giai đoạn (các ngành, hội đồng tư vấn chuyên ngành, hội đồng tư vấn cấp tỉnh...);
- c) Danh mục nhiệm vụ KHCN đã được nghiệm thu;
- d) Danh mục nhiệm vụ KHCN có kết quả được triển khai áp dụng, nhân rộng;
- đ) Xác nhận việc tiếp nhận và phản hồi bằng văn bản lý do các nhiệm vụ KHCN không được tiếp nhận; công khai lý do các nhiệm vụ KHCN không được lựa chọn theo từng giai đoạn lựa chọn.”

3. Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 12 như sau:

“đ) Bước 5: Sở Khoa học và Công nghệ trình danh mục nhiệm vụ KHCN đã được các sở, ngành và các Hội đồng lựa chọn lên Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh thông qua trong quý II và quý III hàng năm.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 14 như sau:

“a) Phải có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực với nhiệm vụ KHCN trong 05 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Trường hợp đặc biệt khác thì do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KHCN thông qua Biên bản họp, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN có trách nhiệm hoàn thiện và gửi lại thuyết minh nhiệm vụ KHCN theo kết luận của Hội đồng và Bản giải trình về những nội dung đã chỉnh sửa.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh thông qua Tổ thẩm định.

3. Tổ thẩm định

a) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập Tổ thẩm định gồm 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng Tổ thẩm định là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; 01 thành viên là đại diện phòng Kế hoạch tài chính của Sở Khoa học và Công nghệ (Tổ phó Tổ thẩm định); 01 thành viên là đại diện phòng Quản lý Khoa học của Sở Khoa học và Công nghệ; 01 thành viên là chủ tịch hoặc phó chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp; 01 thành viên là đại diện của Sở Tài chính.

b) Nhiệm vụ của Tổ thẩm định

- Đánh giá sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KHCN, dự toán kinh phí của nhiệm vụ KHCN với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia trong/ngoài nước; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện;

- Đánh giá phương án huy động và khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước của tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh (nếu có) dựa trên các tài liệu minh chứng khả năng huy động các nguồn lực tài chính trên; đề xuất các văn bản cần bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết);

- Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

6. Sửa đổi khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Hội đồng tư vấn KHCN nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN có nhiệm vụ đánh giá các kết quả của nhiệm vụ KHCN được quy định tại Điều 9 và Điều 27 của Quy chế này.”.

7. Sửa đổi khoản 3 Điều 31 như sau:

“3. Các nhiệm vụ KHCN bị Hội đồng tư vấn KHCN nghiệm thu đánh giá ở mức “Không đạt”, nhiệm vụ KHCN không được nghiệm thu hoặc các nhiệm vụ KHCN đã được Hội đồng tư vấn KHCN nghiệm thu nhưng trong vòng 06 tháng đơn vị chủ trì không nộp các sản phẩm đã hiệu chỉnh theo kết luận của Hội đồng thực hiện theo khoản 5 Điều 28 của Quy chế này.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

“Điều 33. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN, trong đó giao trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan tổ chức triển khai áp dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.”.

9. Sửa đổi tên Chương VI như sau:

“TRIỂN KHAI ÁP DỤNG KẾT QUẢ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN ĐƯỢC HÌNH THÀNH THÔNG QUA VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHCN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

“Điều 37. Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu và quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN

1. Tổ chức chủ trì, doanh nghiệp KHCN và tổ chức khác có nhu cầu được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu làm hồ sơ đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu.

2. Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị hướng dẫn và thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền đối với kết quả nghiên cứu do Chủ tịch UBND tỉnh làm đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh thực hiện giao quyền sử dụng tài sản, việc hoàn trả giá trị tài sản và việc phân chia lợi nhuận với Nhà nước, xác định giá trị tài sản là kết quả, quản lý, sử dụng số tiền thu được từ tài sản và việc tổ chức thực hiện Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP, các CV;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình